

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 372 /2023/HS-ST  
Ngày 25 - 7 - 2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Bảo

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Công Danh

Bà Thiều Thị Phi Loan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Văn Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 355/2023/TLST - HS ngày 23 tháng 6 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 348/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. **Lý Anh D** (tên gọi khác: D1), sinh năm 1993 tại tỉnh Đồng Nai;

Nơi cư trú: K, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Thanh T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972;

Tiền án: Ngày 24/12/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 theo Bản án số 715/2020/HS-ST. Bị cáo đã chấp hành xong bản án ngày 20/11/2021.

Tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/3/2023, chuyển tạm giam theo Lệnh số 501/LTG ngày 17/03/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1988 tại tỉnh An Giang;

Nơi thường trú: ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn):

0/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bảo A, sinh năm 1962 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, không rõ năm sinh (đã chết); có chồng Lý Thanh P, sinh năm 1989 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/3/2023, chuyển tạm giam theo Lệnh số 502/LTG ngày 17/03/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

**3. Huỳnh Nhật H** (tên gọi khác: B), sinh năm: 1999 tại tỉnh Đồng Nai;

Nơi cư trú: tổ I, khu phố E, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn V, sinh năm 1979 và bà Trần Thị Mộng N, sinh năm 1976; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/3/2023, chuyển tạm giam theo Lệnh số 503/LTG ngày 17/03/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

**4. Lê Võ Quốc V1**, sinh năm: 1994 tại tỉnh Bình Dương;

Nơi cư trú: G, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D2, sinh năm 1956 và bà Võ Thị Thùy T3, sinh năm 1965; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/3/2023, chuyển tạm giam theo Lệnh số 504/LTG ngày 17/03/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng*: anh Thái Thành Q, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi phạm tội của Lý Anh D:

Lý Anh D là người sử dụng trái phép chất ma túy, để có tiền mua ma túy sử dụng, D bán ma túy cho người nghiện kiếm lời.

Cách thức mua bán: Khi có người nghiện liên hệ D hỏi mua ma túy, D đến khu vực Miếu Ông C thuộc thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương mua ma túy của L1 (không rõ nhân thân, lai lịch). Sau đó, D lấy một phần sử dụng, phần còn lại bán cho người nghiện. Cụ thể: Từ ngày 02/3/2023 đến ngày 09/3/2023, khi được Nguyễn Thị T2 liên hệ qua Z hỏi mua ma túy. D đã 02 lần

đến khu vực Miếu Ông C thuộc địa chỉ nêu trên mua của L1 mỗi lần 01 gói ma túy tổng hợp (hàng đá) giá 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Sau khi mua ma túy, D lấy một phần sử dụng, phần còn lại D mang đến quán cà phê “Phương Thúy” thuộc tổ H, khu phố Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai bán cho T2 như sau:

Lần thứ nhất: Vào lúc 09 giờ ngày 02/3/2023, tại quán cà phê “Phương Thúy” địa chỉ nêu trên D bán cho T2 01 gói ma túy tổng hợp với giá 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng), T2 chưa trả tiền.

Lần thứ hai: Vào lúc 23 giờ ngày 09/3/2023, tại địa chỉ nêu trên, D bán cho T2 01 gói ma túy tổng hợp với giá 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng), T2 chưa trả tiền.

## 2. Hành vi phạm tội của Nguyễn Thị T2, Huỳnh Nhật H, Lê Võ Quốc V1:

Nguyễn Thị T2, Huỳnh Nhật H, Lê Võ Quốc V1 là bạn bè và đều là người sử dụng trái phép chất ma túy. T2 biết được nhu cầu mua ma túy của người nghiện nên T2 bàn bạc với H mua ma túy của Lý Anh D, phân thành từng gói nhỏ để bán cho người nghiện kiếm lời, Hòa đồng ý.

Từ ngày 02/3/2023 đến ngày 09/3/2023, tại quán cà phê “Phương Thúy”, T2 và H đã 02 lần mua của D, mỗi lần 01 gói ma túy với giá 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng). T2 yêu cầu H ra nhận 01 gói ma túy từ D nhưng chưa trả tiền. Sau khi mua ma túy, T2 và H lấy 01 phần ma túy ra sử dụng, phần còn lại chia thành nhiều gói nhỏ.

Cụ thể: lần 01 chia thành 04 gói nhỏ; lần 02 chia thành 02 gói nhỏ. T2 và H đã bán cho người nghiện như sau:

- Khoảng 10 giờ ngày 02/3/2023, tại quán cà phê “Phương Thúy” thuộc địa chỉ nêu trên T2 và H bán cho Lê Võ Quốc V1 01 gói ma túy tổng hợp với giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Khoảng 09 giờ ngày 05/3/2023, H đến nhà Thái Thành Q, sinh năm 1991, tại khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai bán cho Q 01 gói ma túy tổng hợp với giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Khoảng 13 giờ 40 phút ngày 10/3/2023, tại quán C1, T2 và H bán cho Lê Võ Quốc V1 01 gói ma túy tổng hợp với giá 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi mua ma túy, V1 cất giấu gói ma túy trên cổ áo đang mặc. Cùng lúc này, D đến để lấy tiền bán ma túy cho T2 và H còn nợ trước đó. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, tại quán C1 thì D, T2, H và V1 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B phối hợp Công an phường H bắt quả tang.

Quá trình điều tra còn làm rõ: Vào ngày (không rõ), tháng 03/2023, T2 và H đã 02 lần bán ma túy cho 02 người nghiện (không rõ nhân thân, lai lịch) mỗi lần 01 gói ma túy tổng hợp với giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Tổng cộng T2 và H bán 04 gói ma túy tổng hợp thu được 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng), đã sử dụng 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) để tiêu xài cá nhân và đã trả cho Lý Anh D 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) tiền mua ma túy.

Tại Cơ quan điều tra Lý Anh D, Nguyễn Thị T2, Huỳnh Nhật H, Lê Võ Quốc V1 đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 gói ma túy (Hàng đá) Việt đang cất giấu trên cổ áo mà V1 đang mặc.
- 01 gói ma túy đá H đang cất giấu trong túi áo khoác treo trên sào phơi đồ phía sau quán nước. (Tất cả số ma túy nêu trên đã được niêm phong có chữ ký của Lý Anh D, Nguyễn Thị T2, Huỳnh Nhật H, Lê Võ Quốc V1 và dấu mộc của Công an phường H).
- 01 điện thoại di động hiệu ITEL số Imel: 53487109300287, thuê bao số 0865690934 đã qua sử dụng vỡ màn hình và 01 xe mô tô biển số 61S2- 7095 của Lê Võ Quốc V1.
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung G S9+ màu xanh số Imel 354641092509739 của Lý Anh D.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5, số I 990002825701707; 01 xe mô tô, biển số 60N6-5479 của Huỳnh Nhật H.
- 01 điện thoại di động hiệu N1 màu đen, số I: 356803086760847/80 có số thuê bao 0566162791 đã qua sử dụng vỡ màn hình của Nguyễn Thị T2.

\* Qua điều tra xác định:

- 01 xe mô tô hiệu Honda, biển số 60N6-5479 do anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1972, ngụ tại A, khu phố A, phường T, thành phố B đứng tên đăng ký sở hữu. Anh T4 khai đã bán cho chị Trần Thị Mộng N. H khai mượn xe mô tô của chị Trần Thị Mộng N (Mẹ H), sinh năm 1976, địa chỉ 126/13, tổ B, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do xe không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại xe trên cho chị Trần Thị Mộng N.

- 01 xe mô tô hiệu Wave Alpha, biển số 60S2-7095 do chị Nguyễn Thị Tuyết V2, sinh năm 1974, ngụ tại A, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương là chủ sở hữu. Chị V2 cho Lê Võ Quốc V1 mượn sử dụng và không biết việc V1 sử dụng xe mô tô để đi mua ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Tuyết V2.

Tại kết luận giám định số 485/KL-KTHS ngày 16/3/2023 của Phòng K kết luận:

- Mẫu chất màu trắng (ký hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định là có khối lượng 0,1798 gam, loại Methamphetamine.

- Mẫu chất màu trắng (ký hiệu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,1512 gam, loại Methamphetamine.

Tại bản Cáo trạng số: 370/CT-VKSBH ngày 21/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố các bị cáo Lý Anh D, Nguyễn Thị T2 và Huỳnh Nhật H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và truy tố bị cáo Lê Võ Quốc V1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lý Anh D, Nguyễn Thị T2, Huỳnh Nhật H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo Lê Võ Quốc V1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Lý Anh D từ 08 (tám) năm đến 08 (tám) năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T2 từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) năm tù.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Nhật H từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) năm tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Lê Võ Quốc V1 từ 14 tháng đến 18 tháng tù.

\* Về vật chứng đề nghị: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ khối lượng ma túy còn lại sau khi giám định.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu ITEL số Imel: 53487109300287 số thuê bao 0865690934 của Lê Võ Quốc V1; 01 điện thoại di động hiệu samsung G S9+ màu xanh số Imel 354641092509739 của Lý Anh D; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số I: 356803086760847/80 có số thuê bao 0566162791 của Nguyễn Thị T2 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5, số I 990002825701707 của Huỳnh Nhật H, do các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Đối với số tiền 700.000đ mà Lý Anh D có được do bán ma túy cho Nguyễn Thị T2; số tiền 800.000đ mà Nguyễn Thị T2, Huỳnh Nhật H có được do bán ma túy cho Lê Võ Quốc V1, cho Thái Thành Q và 02 người nghiện khác chưa rõ nhân thân, lai lịch. Đây là tiền do các bị cáo D, T2 và H thu lợi bất chính mà có, nên đề nghị Hội đồng xét xử truy thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Quá trình tranh tụng, các bị cáo Lý Anh D, Nguyễn Thị T2, Huỳnh Nhật H và Lê Võ Quốc V1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nên không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Nói lời sau cùng, các bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của mình, hứa cải tạo trở thành người tốt và mong muốn được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm về với gia đình, làm người có ích cho gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo:*

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Lý Anh D, Nguyễn Thị T2, Huỳnh Nhật H và Lê Võ Quốc V1 đều là những đối tượng nghiện ma túy. Lý Anh D, Nguyễn Thị T2 và Huỳnh Nhật H đã mua ma túy để bán kiếm lời và sử dụng.

Ngày 02/3/2023 và ngày 09/3/2023 tại quán “Phương Thúy” thuộc tổ H, khu phố Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Lý Anh D đã 02 lần bán trái phép ma túy cho Nguyễn Thị T2 và Huỳnh Nhật H, mỗi lần 01 gói với giá 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng); từ ngày 02/3/2023 đến ngày 09/3/2023, Nguyễn Thị T2 và Huỳnh Nhật H đã 05 lần bán trái phép ma túy. Gồm bán ma túy cho Lê Võ Quốc V1 02 lần mỗi lần 01 gói ma túy với giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), bán cho Thái Thành Q 01 lần 01 gói ma túy với giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và bán cho 02 người nghiện (chưa rõ nhân thân, lai lịch) mỗi lần một gói ma túy với giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Khoảng 13 giờ 40 phút ngày 10/03/2023, cũng tại quán cà phê “Phương Thúy” thuộc địa chỉ nêu trên, Lê Võ Quốc V1 có hành vi tàng trữ trái phép 0,1798 gam ma túy, loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng thì bị Công an thành phố B phối hợp Công an phường H bắt quả tang. Cơ quan Công an thu giữ của Nguyễn Thị T2 và Huỳnh Nhật H 0,1512 gam ma túy, loại Methamphetamine do T2 và H cất giấu với mục đích để bán cho người nghiện.

Hành vi của các bị cáo Lý Anh D, Nguyễn Thị T2 và Huỳnh Nhật H đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và hành vi của Lê Võ Quốc V1 đã cấu

thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

*[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy rằng:* Đây là vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, bởi hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, là vấn đề đang được quan tâm và trở nên nhức nhối trong toàn xã hội, ma túy đã đẩy nhiều người, nhiều gia đình, nhiều thế hệ vào vòng lao lý, làm xói mòn về đạo đức, làm suy thoái về giống nòi, là nguyên nhân dẫn đến làm phát sinh nhiều tội phạm khác. Bản thân các bị cáo tuổi còn trẻ nhưng đã ham chơi, lêu lổng, a dua đua đòi nên đã tìm đến ma túy để tìm cảm giác lạ, thỏa mãn cho bản thân. Ngoài ra, với mục đích kiếm lời và để có ma túy sử dụng mà các bị cáo Lý Anh D, Nguyễn Thị T2 và Huỳnh Nhật H còn bán ma túy cho người khác.

Xét vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Lý Anh D là người trực tiếp đi mua ma túy và bán trái phép 02 lần cho các bị cáo Nguyễn Thị T2 và Huỳnh Nhật H; các bị cáo Nguyễn Thị T2 và Huỳnh Nhật H đã cùng bán ma túy cho Lê Võ Quốc V1 02 lần, cho Thái Thành Q 01 lần và bán cho 02 người nghiện khác không rõ nhân thân lai lịch. Do đó, bị cáo Lý Anh D có vai trò cao hơn các bị cáo Nguyễn Thị T2 và Huỳnh Nhật H; bị cáo Nguyễn Thị T2 là người trực tiếp liên lạc đặt vấn đề mua ma túy, là người bỏ tiền ra để mua ma túy và trực tiếp thực hiện hành vi mua trái phép chất ma túy để cùng Huỳnh Nhật H bán ma túy và sử dụng, do đó bị cáo T2 có vai trò cáo hơn bị cáo Huỳnh Nhật H. Bị cáo Lê Võ Quốc V1 vì để có ma túy sử dụng nên đã mua ma túy của các bị cáo Nguyễn Thị T2 và Huỳnh Nhật H cất giấu trên cổ áo của bị cáo.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử các bị cáo mức hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo và cần thiết phải tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo và nhằm răn đe, phòng ngừa chung.

*[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo Lý Anh D đã bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 theo Bản án số 715/2020/HS-ST ngày 24/12/2020, đến ngày 20/11/2021 thì bị cáo chấp hành xong bản án. Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Thị T2, Huỳnh Nhật H và Lê Võ Quốc V1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Xét thấy, các bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, là đối tượng nghiện ma túy. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần:

Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ khối lượng ma túy còn lại sau khi giám định.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu ITEL số Imel: 53487109300287 số thuê bao 0865690934 của Lê Võ Quốc V1; 01 điện thoại di động hiệu Samsung G S9+ màu xanh số Imel 354641092509739 của Lý Anh D; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số I: 356803086760847/80 có số thuê bao 0566162791 của Nguyễn Thị T2; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5, số I 990002825701707 của Huỳnh Nhật H, do các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

[8] *Về các tình tiết liên quan đến vụ án:*

Đối với số tiền 700.000đ mà Lý Anh D có được do bán ma túy cho Nguyễn Thị T2; số tiền 800.000đ mà Nguyễn Thị T2, Huỳnh Nhật H có được do bán ma túy cho Lê Võ Quốc V1, cho Thái Thành Q và 02 người nghiện khác chưa rõ nhân thân, lai lịch. Đây là tiền do các bị cáo D, T2 và H thu lợi bất chính mà có, các bị cáo vẫn chưa giao nộp lại cho cơ quan có thẩm quyền nên cần truy thu nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với đối tượng tên L1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) có hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho Lý Anh D. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B chuyển thông tin đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Đối với Thái Thành Q là người đã mua ma túy của Nguyễn Thị T2, Huỳnh Nhật H về để sử dụng và Q đã sử dụng hết nên không có căn cứ để xử lý Thái Thành Q.

[9] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa là phù hợp tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, phù hợp quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**



1. *Về tội danh:* Tuyên bố các bị cáo Lý Anh D, Nguyễn Thị T2, Huỳnh Nhật H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo Lê Võ Quốc V1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. *Về hình phạt:*

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Lý Anh D 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2023.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T2 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2023.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Nhật H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2023.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Lê Võ Quốc V1 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2023.

3. *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ khối lượng ma túy còn lại sau khi giám định.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu ITEL số IMEI: 53487109300287 số thuê bao 0865690934 của Lê Võ Quốc V1; 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG G S9+, màu xanh số IMEI 354641092509739 của Lý Anh D; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen, số I: 356803086760847/80 có số thuê bao 0566162791 của Nguyễn Thị T2; 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 5, số I 990002825701707 của Huỳnh Nhật H, do các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

(Các vật chứng trên đã được giao nhận theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/7/2023 giữa Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa và Công an thành phố B).

- Truy thu nộp vào ngân sách nhà nước của Lý Anh D số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng), của Nguyễn Thị T2 và Huỳnh Nhật H số tiền 800.000đ (tám trăm nghìn đồng).

4. *Về án phí:* Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Buộc các bị cáo Lý Anh D, Nguyễn Thị T2, Huỳnh Nhật H và Lê Võ Quốc V1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Cơ quan CSĐT CA TP. Biên Hòa;
- Cơ quan THAHS CA TP. Biên Hòa;
- Phòng PV06 CA tỉnh Đồng Nai;
- Nhà Tạm giữ CA TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú;
- Các bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Bảo**